

Bản án số: 26/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 17-5-2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm

Ông Huỳnh Văn Thanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Lê Thị O**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*** Bị đơn: Anh Bùi Hiếu T**, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị O trình bày: Nguyên vào năm 2002, chị với anh Bùi Hiếu T qua tìm hiểu, quen biết, được gia đình hai bên chấp thuận cho kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2002, ngày 18/9/2002.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được một thời gian đầu. Đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị đã sống ly thân với nhau đến nay. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Hiếu T.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Thúy Thanh N, sinh ngày 25/11/2003 và Bùi Ngọc Minh T1, sinh ngày

25/9/2011. Sau khi ly hôn, chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Hiếu T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như chị O trình bày là đúng. Riêng về mâu thuẫn vợ chồng theo chị O trình bày là có; mặc dù cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nhưng chị O yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, yêu cầu xin đoàn tụ để lo cho con. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O thì anh đồng ý để chị Thảo nuôi hai con chung là N và T1, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Bùi Hiếu T vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Bùi Hiếu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Hiếu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị O và anh Bùi Hiếu T sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 18/9/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: xét thấy; chị O cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc nhưng vì lo cho con nên anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ. Tòa án đã nhiều lần tổ chức mời hai vợ chồng đến để hòa giải động viên anh chị đoàn tụ nuôi dạy con chung, anh T đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Tại phiên tòa chị O cương quyết xin ly hôn, không đồng ý đoàn tụ, anh T vắng mặt không lý do. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó Hội đồng xét xử xét yêu cầu ly hôn của chị O là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung. Đối với 02 con chung tên Bùi Ngọc Minh T1, sinh ngày 25/9/2011, hiện đang sống với chị O, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Bùi Thúy Thanh N, sinh ngày 25/11/2003, hiện đang

sống chung với anh T, khi ly hôn chị O tự nguyện giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 22/12/2021 của Tòa án thì cháu T1 trình bày là có nguyện vọng sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nhau và cho rằng cuộc sống sinh hoạt của mình tốt, ổn định; cháu N trình bày là hiện đang sống với cha, đi học thuận tiện, ổn định nên có nguyện vọng sống với cha nếu cha mẹ ly hôn nhau. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O: giao cháu T1 cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; chị O, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị O phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị O.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn với anh Bùi Hiếu T.

2/Về con chung:

2.1 Giao con chung tên Bùi Thúy Thanh N, sinh ngày 25/11/2003 cho anh Bùi Hiếu T tiếp tục nuôi dưỡng. Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa có yêu cầu nên chị Lê Thị O chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Giao con chung tên Bùi Ngọc Minh T1, sinh ngày 25/9/2011 cho chị Lê Thị O tiếp tục nuôi dưỡng. Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa có yêu cầu nên anh Bùi Hiếu T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Chị Lê Thị O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006758 ngày 14 tháng 10 năm 2021, chị O không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAT VL;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- UBND xã H (2002);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám